

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ

Ban hành kèm theo Quyết định số 2218/2010/QĐ-TGD ngày 24 tháng 11 năm 2010

Có hiệu lực từ ngày 24/11/2010

<i>STT</i>	<i>DỊCH VỤ</i>	<i>MỨC PHÍ</i>	<i>TỐI THIỂU</i>	<i>TỐI ĐA</i>
I	CHUYỂN TIỀN QUỐC TẾ			
1	Chuyển tiền đi quốc tế			
1.1	Chuyển tiền bằng điện	0.2 % giá trị giao dịch	USD5.00	USD200.00
	Nếu người chuyển tiền chịu phí NH nước ngoài (OUR), thu thêm:			
	a. Chuyển đi bằng USD		USD25.00	
	b. Chuyển đi bằng EUR		EUR20.00	
	c. Chuyển đi bằng JPY		JPY 5,000.00	
	d. Chuyển đi bằng GBP		GBP15.00	
	e. Chuyển đi bằng ngoại tệ khác		Trương đương USD25.00	
1.2	Chuyển tiền bằng bankdraft	0.1 %	USD5	USD200.00
1.3	Phí back value (phí NH nước ngoài thu)	Thu theo thực tế		
1.4	Điều chỉnh, tra soát lệnh chuyển tiền	USD10.00 + chi phí thực tế NH nước ngoài thu		
1.5	Hủy lệnh chuyển tiền	USD10.00 + chi phí thực tế NH nước ngoài thu		
2	Chuyển tiền đến quốc tế			
2.1	Phí thu người hưởng (BEN, SHA)			
	a. Chuyển tiền cá nhân		Miễn phí	
	b. Chuyển tiền Doanh nghiệp		Miễn phí	
2.2	Phí thu NH chuyển (OUR)	USD10.00		
2.3	Nhận tiền mặt tại OceanBank			
	a. Nhận bằng VND		Áp dụng theo Biểu phí Kế toán Ngân quỹ hiện hành	
	b. Nhận bằng ngoại tệ			
2.4	Chuyển cho người hưởng tại NH trong nước khác			
	a. Phí thu người hưởng (BEN, SHA)	USD5.00 + phí thanh toán trong nước tương ứng		
	b. Phí thu NH chuyển (OUR)	USD5.00 + phí thanh toán trong nước tương ứng + Điện phí		
2.5	Thoái hồi lệnh chuyển tiền	USD10.00		

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ

Ban hành kèm theo Quyết định số 2218/2010/QĐ-TGD ngày 24 tháng 11 năm 2010

Có hiệu lực từ ngày 24/11/2010

<i>STT</i>	<i>DỊCH VỤ</i>	<i>MỨC PHÍ</i>	<i>TỐI THIỂU</i>	<i>TỐI ĐA</i>
2.6	Điều chỉnh, tra soát lệnh chuyển tiền	USD5.00		
3	Cung ứng bankdraft	USD5.00		
II	NHỜ THU TRON			
1	Séc nhờ thu gửi đi nước ngoài			
1.1	Nhận séc để gửi đi nhờ thu	USD2.00		
1.2	Thanh toán kết quả nhờ thu	0.2%/trị giá báo có	USD5.00	USD150.00
1.3	Hủy nhờ thu theo yêu cầu	USD5.00		
1.4	Nhờ thu bị từ chối	Theo thực tế phải trả		
2	Séc nhờ thu nhận được	Theo biểu phí NHDL của OceanBank		
III	NHỜ THU CHỨNG TỪ			
1	Bộ ủy nhiệm thu			
1.1	Đăng ký/Mở giao dịch nhờ thu chứng từ	USD10.00		
1.2	Thanh toán kết quả nhờ thu	0.2 %/trị giá báo có	USD10.00	USD200.00
1.3	Sửa đổi chỉ dẫn đòi tiền	USD5.00		
2	Bộ chứng từ nhờ thu			
2.1	Đăng ký/Mở giao dịch nhờ thu chứng từ	USD10.00		
2.2	Thanh toán kết quả nhờ thu	0.2 %/trị giá báo có	USD10.00	USD200.00
2.3	Sửa đổi chỉ dẫn đòi tiền	USD5.00		
3	Hủy nhờ thu theo yêu cầu	USD10.00 + phí trả NH nước ngoài		
4	Nhờ thu bị từ chối	Theo thực tế phải trả		
5	Chuyển tiếp bộ chứng từ nhờ thu cho NH khác			
5.1	Trong nước	USD5.00 + bưu phí thực tế		
5.2	Ngoài nước	USD5.00 + bưu phí thực tế		
6	Tra soát nhờ thu			
6.1	Trong nước	USD5.00		
6.2	Ngoài nước	USD5.00		

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ

Ban hành kèm theo Quyết định số 2218/2010/QĐ-TGD ngày 24 tháng 11 năm 2010

Có hiệu lực từ ngày 24/11/2010

<i>STT</i>	<i>DỊCH VỤ</i>	<i>MỨC PHÍ</i>	<i>TỐI THIỂU</i>	<i>TỐI ĐA</i>
IV	THƯ TÍN DỤNG			
1	Thư tín dụng nhập khẩu			
1.1	Phát hành thư tín dụng			USD2,000.00
	a. Ký quỹ 100%	0.05 % trị giá L/C	USD20.00	USD500.00
	b. Ký quỹ <100%		USD20.00	USD2,000.00
	+ Số tiền KQ	0.05 % phần trị giá được ký quỹ	USD20.00	USD500.00
	+ Số tiền không KQ	0.075%/ tháng phần trị giá không được ký quỹ		
	c. Phụ thu nếu độ dài L/C quá 10,000 ký tự	USD10.00 / điện MT701		
1.2	Sửa đổi tăng trị giá hoặc gia hạn thời hạn hiệu lực của L/C nhập khẩu	Như mức phát hành thư tín dụng		
1.3	Sửa đổi khác	USD10.00		
1.4	Hủy thư tín dụng theo yêu cầu	USD20.00 + phí trả ngân hàng nước ngoài		
1.5	Thanh toán 1 bộ chứng từ trả ngay	0.2 %/trị giá bộ chứng từ	USD20.00	USD500.00
1.6	Chấp nhận thanh toán L/C trả chậm			
	a. L/C ký quỹ 100%	USD30.00		
	b. L/C ký quỹ < 100% (thời gian tính phí kể từ ngày OceanBank thông báo chứng từ phù hợp / KH chấp nhận thanh toán cho đến ngày đáo hạn)	USD30.00 + 0.12%/tháng/ phần trị giá không ký quỹ		
1.7	Bảo lãnh nhận hàng			
	a. Phát hành bảo lãnh nhận hàng	USD50.00		
	b. Phí duy trì bảo lãnh nhận hàng			
	b.1. Hoàn trả bảo lãnh trong thời gian 60 ngày kể từ ngày phát hành bảo lãnh	Miễn phí		
	b.2. Hoàn trả bảo lãnh trên 60 ngày kể từ ngày phát hành bảo lãnh	0.1%/ 30ngày/ tổng trị giá bảo lãnh	USD50.00	
1.8	Ký hậu vận đơn khi bộ chứng từ chưa về tới OceanBank	USD15.00		
2	Thư tín dụng xuất khẩu			
2.1	Thông báo thư tín dụng	USD20.00		
2.2	Xác nhận thư tín dụng	0.1 %/tháng	USD50.00	

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ

Ban hành kèm theo Quyết định số 2218/2010/QĐ-TGD ngày 24 tháng 11 năm 2010

Có hiệu lực từ ngày 24/11/2010

<i>STT</i>	<i>DỊCH VỤ</i>	<i>MỨC PHÍ</i>	<i>TỐI THIỂU</i>	<i>TỐI ĐA</i>
2.3	Thông báo sửa đổi thư tín dụng OceanBank xác nhận			
	a. Sửa đổi tăng trị giá	Như xác nhận L/C		
	b. Sửa đổi khác	USD10.00		
2.4	Thông báo sửa đổi thư tín dụng OceanBank không xác nhận	USD5.00		
2.5	Thanh toán 1 bộ chứng từ	0.15%/trị giá báo có	USD20.00	USD200.00
2.6	Chiết khấu bộ chứng từ	Theo thỏa thuận		
2.7	Chuyển nhượng	0.1% giá trị thư tín dụng chuyển nhượng	USD50.00	USD500.00
2.8	Kiểm tra bộ chứng từ XK	Miễn phí		
2.9	Hủy L/C	USD20.00		
V	ĐIỆN PHÍ VÀ CÁC PHÍ KHÁC			
1	Điện SWIFT			
1.1	Phát hành thư tín dụng, thư bảo lãnh	USD20.00 – USD50.00		
1.2	Điện chuyển tiền	USD5.00		
1.3	Điện khác	USD10.00		
2	Chuyển tiếp điện cho NH khác trong nước	USD10.00		
3	Gửi chứng từ bằng thư bảo đảm, các hình thức chuyển phát nhanh khác (DHL, EMS)	Thu theo hóa đơn thực tế		

Ghi chú:

1. Biểu phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
2. Điện phí sẽ được thu thêm nếu phát sinh.
3. Nếu phát sinh giao dịch hoán đổi ngoại tệ sẽ áp dụng theo tỷ giá công bố của OceanBank.
4. Các giao dịch liên quan đến việc sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo các quy định về quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước Việt Nam.
5. OceanBank không có trách nhiệm hoàn trả lại số phí đã thu trong trường hợp Khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc các nguyên nhân không thuộc về OceanBank.
6. Biểu phí này có thể được thay đổi mà không cần có sự báo trước của OceanBank trừ khi giữa OceanBank và Khách hàng có thỏa thuận khác.